

Bản án số: 100/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 19/7/2024.

“V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

* Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Thạch Viết Tâm.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1) Bà Võ Duy Loan.

2) Bà Huỳnh Khiết Như.

* Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Quách Văn Diễn, Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Kế Sách.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Lâm Bích Ngọc, Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 71/2024/TLST-HNGĐ, ngày 4 tháng 4 năm 2024 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 188/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 7/6/2024 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 11/2024/QĐST-HNGĐ ngày 25/6/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Nguyễn Thị Thu T**, sinh năm 1992

HKTT: **ấp S, xã Đ, huyện K, tỉnh Sóc Trăng**.

Chỗ ở hiện nay: **ấp F, xã B, huyện K, tỉnh Sóc Trăng** (có mặt).

- Bị đơn: **Trương Văn L**, sinh năm 1986

HKTT: **ấp S, xã Đ, huyện K, tỉnh Sóc Trăng** (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 03/4/2024, nguyên đơn **Nguyễn Thị Thu T** trình bày: Chị và **Trương Văn L** quen biết nhau, có tình cảm và được gia đình tổ chức đám cưới năm 2021, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại **UBND xã Đ, huyện K, tỉnh Sóc Trăng**. Trong quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là cháu **Trương Nguyễn Thảo N**, sinh ngày 21/07/2022. Thời gian đầu vợ chồng sống chung rất hạnh phúc nhưng gần đây hai bên bắt đầu quan điểm sống, anh chị

thường xuyên cãi vã, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, gia đình nhà chồng nói xấu gia đình chị về tiền bạc, khinh thường gia đình chị. Ngày 24/03/2023 anh **L** đánh chị và bắt con lại không cho chị gặp mặt. Nhận thấy đời sống hôn nhân giữa chị và anh **L** không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh **L**; chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu **N** đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu anh **L** cấp dưỡng nuôi con, hiện nay chị đang buôn bán ở **chợ C**, thu nhập hàng tháng khoảng 10.000.000 đồng; về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh **Trương Văn L** trình bày: Anh thống nhất với lời trình bày của chị **T** về hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh chị cự cãi nên có một lần anh lỡ đánh chị **T** một bực tay, ngoài ra không còn mâu thuẫn gì khác. Về hôn nhân anh không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ, con. Nếu ly hôn, anh yêu cầu được nuôi con chung đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu chị **T** cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay anh đi buôn bán ở **chợ C** và **chợ M** thu nhập hàng tháng 9.000.000 đồng, đủ khả năng để nuôi con, hiện nay con đang ở với anh và bà nội.

- Vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Thẩm phán tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của pháp luật, việc xác định tư cách tham gia tố tụng của đương sự và quan hệ pháp luật đang tranh chấp là chính xác, tại phiên tòa Hội đồng xét xử đúng thành phần. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị **T** được ly hôn với anh **L**; giao con chung cho anh **L** nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, chị **T** không phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét; chị **T** chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa sơ thẩm, các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

[2] Theo các tài liệu có trong hồ sơ và lời trình bày của các đương sự, chị **T** và anh **L** sau khi quen biết, có tình cảm với nhau thì đến năm 2021 được gia đình tổ chức đám cưới, anh chị đi đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã **Đ** cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 21/7/2023. Vì vậy, hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận. Sau khi tổ chức lễ cưới, vợ chồng chị **T** có thời gian chung sống hạnh phúc nhưng sau đó anh chị thường xuyên cãi vã do bất đồng quan điểm, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, anh **L** có hành vi đánh chị **T**. Nay chị **T** xin ly hôn với anh **L**. Anh **L** không đồng ý. Thấy rằng hôn nhân giữa anh **L** và chị **T** đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì anh chị đã không chung sống với nhau được một khoảng thời gian nhưng không có biện pháp hàn gắn tình cảm, nay chị **T** cương quyết yêu cầu ly hôn với anh **L**. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 39 Bộ luật dân sự năm 2015, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân

và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T, cho chị với anh L được ly hôn để mỗi người tạo lập cuộc sống mới.

[3] Về con chung: Chị T và anh L có 01 con chung là cháu **Trương Nguyễn Thảo N**, sinh ngày 21/07/2022. Trước đây chị T và anh L đều có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu N, không yêu cầu bên kia cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa, chị T cho rằng chị hay bị bệnh, con chung giao cho anh L nuôi cũng được nhưng phải cho chị thăm con chung. Thấy rằng: Thu nhập của chị T và anh L không chênh lệch nhau nhiều, theo kết quả xác minh của Tòa án thì hiện nay anh L đang nuôi dưỡng cháu N tốt, cháu phát triển bình thường, anh L có điều kiện nuôi dưỡng con tốt, anh L yêu cầu được nuôi dưỡng con chung. Để cháu N ổn định tâm lý, tránh xáo trộn, ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường của cháu, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, giao cháu N cho anh L tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do anh L không yêu cầu.

[5] Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho anh L, không ai được quyền ngăn cản.

[6] Đối với việc nuôi con chung sau khi ly hôn: Nếu chị T có đủ căn cứ cho rằng anh L không còn đủ điều kiện nuôi con chung hoặc ngược đãi con chung, thì có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh L không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[8] Về án phí: Chị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng, theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[9] Như đã nhận định nêu trên, đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 39 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/. Về quan hệ hôn nhân: Chị **Nguyễn Thị Thu T** được ly hôn với anh **Trương Văn L**.

2/. Về con chung: Giao cháu **Trương Nguyễn Thảo N**, sinh ngày 21/07/2022 cho anh **Trương Văn L** tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

3/. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị **Nguyễn Thị Thu T** không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

4/. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho chị **Nguyễn Thị Thu T** không ai được quyền ngăn cản.

5/. Về tài sản chung và nợ chung: Chị **Nguyễn Thị Thu T** và anh **Trương Văn L** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

6/. Về án phí: Chị **Nguyễn Thị Thu T** phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai số 0003670 ngày 3/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng. Chị **Nguyễn Thị Thu T** đã nộp đủ tiền án phí. Anh **Trương Văn L** không phải chịu án phí.

7/. Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

8/. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- THADS huyện Kế Sách;
- UBND xã Đ, huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Thạch Viết Tâm